ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

HÀ THANH SƠN

XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN THEO PHÁP LUẬT PHÁ SẢN VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Dương Quỳnh Hoa**

Phản biện 1: .....:.....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

MỤC LỤC

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN 1

1.1. Khái niệm tài sản của doanh nghiệp phá sản 1

1.2. Khái niệm, đặc điểm xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản 3

1.2.1. Khái niệm xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản 3

1.2.2. Đặc điểm xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản 4

1.3. Pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản 5

1.3.1. Khái niệm pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản 5

1.3.2. Nội dung pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản 6

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản: 10

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 12

2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản ở Việt Nam hiện nay 12

2.1.1. Chủ thể tham gia xử lý TSPS: 12

2.1.2. Thủ tục xử lý tài sản phá sản 13

2.1.3. Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp phá sản..... 14

2.2. Thực tiễn về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản ở Việt Nam hiện nay 15

2.2.1. Tình hình chung về thực hiện pháp luật về xử lý tài sản phá sản ở Việt Nam 15

2.2.2. Khó khăn, vướng mắc phát sinh 16

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN.....19
3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản.....19
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản.....20
3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật.....20
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản.....21
KẾT LUẬN 23

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN

1.1. Khái niệm tài sản của doanh nghiệp phá sản

Về khía cạnh kinh tế thì tài sản được hiểu là vật có giá thị trường hay giá trị trao đổi và nó là một bộ phận cấu thành sở hữu hay của cải của một cá nhân, tổ chức cụ thể, trong kinh tế người ta thường chia tài sản thành tài sản hiện vật hoặc tài sản vô hình như các công cụ, nhà xưởng, … một cách hiểu thông thường khác tài sản là một vật do con người sử dụng, cụ thể và nhận biết được chúng thông qua giác quan tiếp xúc. Về góc độ pháp lý, tại Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai". Theo từ điển Tiếng Việt thì thuật ngữ "phá sản" được hiểu là "lâm vào tình trạng tài sản không có gì, thường là do kinh doanh bị thua lỗ, thất bại. Các văn bản pháp luật Việt Nam không đưa ra định nghĩa thế nào là phá sản, phá sản doanh nghiệp mà chỉ giải thích khi nào thì doanh nghiệp, hợp tác xã được coi là "lâm vào tình trạng phá sản". LPS năm 2014 đã đưa ra một định nghĩa pháp lý về phá sản, theo đó, thuật ngữ phá sản đã được sử dụng rộng rãi trong cả khoa học pháp lý và cả trong đời sống thực tế. LPS năm 2014 ra đời đã giải thích đầy đủ và rõ nghĩa thuật ngữ này. Tại khoản 2 Điều 4 LPS năm 2014 quy định "Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản". Theo đó phá sản được xem xét dưới hai góc độ kinh tế và pháp

luật thấy rằng: Trên cơ sở vận dụng có chọn lọc những thành tựu của các hệ thống luật tiên tiến trên thế giới kết hợp với việc nghiên cứu quá trình giải quyết phá sản, luận văn đưa ra khái niệm TSPS: Tài sản của doanh nghiệp phá sản là khối sản nghiệp của doanh nghiệp, bao gồm toàn bộ những tài sản có và tài sản nợ của doanh nghiệp từ thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đến thời điểm có quyết định của Tòa án về việc hoàn tất vụ việc phá sản.

Tài sản doanh nghiệp gồm hai loại: tài sản có và tài sản nợ.

- Tài sản có: là những tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hoặc sở hữu của doanh nghiệp, bao gồm tài sản lưu động và tài sản cố định. Tài sản lưu động là đối tượng lao động được biểu hiện dưới dạng vật chất các thành phần tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ví dụ như: nguyên liệu, vật liệu, các sản phẩm đã hoàn thành chờ tiêu thụ…. Tài sản cố định là tư liệu sản xuất kinh doanh, có giá trị và công năng sử dụng dài, có hình dáng hữu hình hoặc vô hình và thuộc sở hữu của doanh nghiệp dùng vào quá trình sản xuất, kinh doanh, ví dụ như: trụ sở công ty, kho hàng, nhà máy, các loại máy móc, trang thiết bị vận tải, dây chuyền sản xuất, bằng sáng chế, phát minh, bản quyền tác giả…

- Tài sản nợ: là những khoản nợ của doanh nghiệp, bao gồm nợ có bảo đảm, nợ có bảo đảm một phần và nợ không có bảo đảm. Nợ có bảo đảm là các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp đó hoặc bằng tài sản của người thứ ba. Nợ có bảo đảm một phần là các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp đó hoặc người thứ ba nhưng giá trị tài sản bảo đảm ít hơn giá trị khoản nợ. Nợ không có đảm bảo là khoản nợ không được đảm bảo bằng tài sản hiện vật, hiểu

theo nghĩa nó chỉ được sử dụng để thanh toán các khoản chi tiêu thường xuyên. Nếu khoản nợ được dùng để mua tài sản hiện vật hay tài chính, thì như vậy nó được đảm bảo bằng tài sản đó, vì khi cần người ta có thể bán nó để trả nợ.

1.2. Khái niệm, đặc điểm xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

1.2.1. Khái niệm xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

Xuất phát từ bản chất và vai trò của phá sản là bảo vệ và mang lại lợi ích cho các chủ nợ cũng như cho con nợ và lợi ích chung của toàn xã hội, nên xử lý TSPS được hiểu theo nghĩa là việc áp dụng những cách thức, biện pháp nhất định tác động vào khối TSPS để thực hiện các mục tiêu của thủ tục phá sản.

Xử lý là xem xét và giải quyết về mặt tổ chức một vụ phạm lỗi nào đó . Hay có thể hiểu, xử lý TSPS là việc bán TSPS sau khi hoàn tất việc thu hồi TSPS, là một thủ tục đặc biệt vì bản chất của xử lý TSPS là việc Tòa án ra quyết định chấm dứt hoạt động của con nợ và nhân cơ hội đó mà thu hồi tài sản còn lại của con nợ, xác định giá trị tài sản bằng tiền và chia cho các chủ nợ theo một thứ tự ưu tiên nhất định. Đây còn là một thủ tục xử lý nợ mang tính chất tập thể cao, không mang tính cá nhân, riêng lẻ. Việc xử lý TSPS để thanh toán cho các chủ nợ phải được tiến hành tập thể để bảo đảm quyền lợi công bằng cho các chủ nợ, bên cạnh đó, xử lý TSPS của doanh nghiệp cũng góp phần bảo vệ quyền lợi của con nợ, giúp con nợ sử dụng tài sản hợp lý và hiệu quả hơn. Xử lý TSPS thực chất là một thủ tục pháp lý đặc biệt – thủ tục thanh lý tài sản của danh nghiệp mắc nợ đang lâm vào tình trạng phá sản để thanh toán nợ cho các chủ nợ trên cơ sở những quy định chặt chẽ của pháp luật. Như

vậy, thủ tục xử lý TSPS liên quan đến ba hoạt động: thu hồi tài sản, xử lý tài sản và thanh toán tiền cho các chủ nợ.

1.2.2. Đặc điểm xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

¬ Đối tượng của việc xử lý TSPS: Khác với hoạt động quản lý TSPS là việc quản lý cả hai khối tài sản nợ và tài sản có của doanh nghiệp, đối tượng của hoạt động xử lý TSPS chỉ là những gì còn lại của khối tài sản có sau khi trừ đi giá trị của các nghĩa vụ tài sản (tài sản nợ của doanh nghiệp), nghĩa là, việc xử lý tài sản và thanh toán các khoản nợ được tiến hành trên cơ sở số tài sản còn lại của doanh nghiệp. Mặc dù vậy, nhưng không có nghĩa là nợ bao nhiêu thì trả bấy nhiêu như trong các vụ kiện đòi nợ dân sự. Nghĩa vụ của doanh nghiệp mắc nợ sẽ chấm dứt sau khi dùng toàn bộ tài sản có của doanh nghiệp để trả nợ, mặc dù có thể chưa thanh toán đủ cho các chủ nợ. Đối với pháp nhân, khi hoàn thành nghĩa vụ này cũng đồng thời chấm dứt sự tồn tại của pháp nhân đó thì việc xoá nợ cho doanh nghiệp bị phá sản là đương nhiên. Nhưng với chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh của công ty hợp danh do phải chịu trách nhiệm vô hạn nên không chỉ phải trả nợ bằng tài sản đã góp vào doanh nghiệp (tài sản có) mà còn phải trả nợ bằng tài sản của cá nhân, nếu tài sản của cá nhân không còn thì sau khi doanh nghiệp bị phá sản trong thời gian nhất định (tuỳ theo quy định của pháp luật mỗi nước, chẳng hạn ở Úc, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định tuyên bố phá sản) nếu xuất hiện tài sản mới thì người bị tuyên bố phá sản vẫn có trách nhiệm bằng tài sản đó mà tiếp tục trả nợ.

- Phương thức xử lý tài sản phá sản: Phương thức thực hiện xử lý TSPS là những nguyên tắc được áp dụng để xử lý TSPS, cách thức phân chia tài sản và thứ tự thanh toán nợ cho các chủ nợ, đây là những vấn đề

quan trọng mà các chủ thể thực hiện khi quản lý và xử lý TSPS trong quá trình giải quyết một vụ phá sản cụ thể. Những vấn đề này đều được pháp luật phá sản các nước quan tâm điều chỉnh ở những mức độ khác nhau.

1.3. Pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

1.3.1. Khái niệm pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

Pháp luật là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển phù hợp với lợi ích của giai cấp mình.

Trong kinh doanh, việc nợ nần lẫn nhau là hiện tượng bình thường, ít doanh nghiệp nào tránh khỏi. Khi có nợ thì chủ nợ đương nhiên có quyền đòi nợ thông qua nhiều hình thức, biện pháp khác nhau, trong đó có biện pháp khởi kiện ra Tòa án. Tuy nhiên, việc đòi nợ bằng con đường kiện tụng ra Tòa dân sự, Tòa kinh tế nhiều khi không thể giải quyết được một cách thỏa đáng quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh. Vì vậy, bên cạnh tố tụng dân sự và tố tụng kinh tế với tư cách là các thủ tục đòi nợ thông thường, Nhà nước phải thiết kế thêm một cơ chế đòi nợ đặc biệt nữa để các chủ nợ, khi cần thì có thể sử dụng để đòi nợ, đó là thủ tục phá sản.

Tính ưu việt của cơ chế đòi nợ thông qua thủ tục phá sản là ở chỗ, việc đòi nợ được đảm bảo bằng việc Tòa án có thể tuyên bố chấm dứt sự tồn tại của con nợ và thông qua đó mà bán toàn bộ tài sản của nó để trả nợ cho các chủ nợ. Mặc dù ngày nay, tố tụng phá sản còn phải thực hiện thêm một số mục tiêu nữa, trong đó có mục tiêu giúp doanh nghiệp mắc nợ phục hồi (tức là bảo vệ cả lợi ích của con nợ) nhưng về cơ bản, tố tụng phá sản từ khi ra đời đến nay vẫn là loại tố tụng tư pháp được đặt ra

nhằm trước hết và chủ yếu là để bảo vệ lợi ích của các chủ nợ. Việc ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ nợ đã làm cho thủ tục phá sản trở thành một công cụ pháp lý có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy hoạt động đầu tư của các nhà kinh doanh.

Như vậy chúng ta có thể rút ra khái niệm pháp luật về xử lý tài sản phá sản là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp mắc nợ đang lâm vào tình trạng phá sản để thanh toán nợ cho các chủ nợ trên cơ sở những quy định chặt chẽ của pháp luật.

Pháp luật Phá sản Việt Nam đã thể hiện rất rõ sự quan tâm của Nhà nước đối với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ. Điều này được thể hiện thông qua hàng loạt các quy định pháp luật liên quan đến quyền năng của chủ nợ như: quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục giải quyết phá sản, quyền khiếu nại danh sách chủ nợ, quyền có đại diện trong thiết chế quản lý tài sản vả thanh toán tài sản, quyền đề xuất phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của con nợ, quyền được khiếu nại quyết định tuyên bố phá sản,...

1.3.2. Nội dung pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

1.3.2.1. Chủ thể về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

Pháp luật phá sản của các nước nói chung đều quy định vấn đề quản lý tài sản trong quá trình giải quyết phá sản, đồng thời các nước cũng thành lập ra các thiết chế để thực hiện việc xử lý tài sản và coi đây là chủ thể rất quan trọng trong tố tụng phá sản của bất cứ quốc gia nào. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội ở mỗi nước là khác nhau nên việc gọi tên thiết chế này cũng như quy định về cơ cấu tổ chức, vai trò, vị trí, thẩm quyền của các thiết chế này cũng không giống nhau.

* Quyền của các nhóm chủ thể trong xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

- Thẩm quyền của Toà án: Các nước khác nhau đều thành lập ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết việc phá sản doanh nghiệp, tuy có khác nhau về tên gọi, về cơ cấu tổ chức, về thẩm quyền, về thủ tục tiến hành nhưng chúng đều giống nhau về bản chất pháp lý là những cơ quan này đều là cơ quan tài phán mang tính Nhà nước - cơ quan Toà án. Chẳng hạn, ở hầu hết các nước Châu Âu lục địa việc giải quyết phá sản doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Toà thương mại. Trong khi đó, một số nước như Mỹ, Thuỵ Điển lại thành lập Toà phá sản riêng. Ở Cộng hoà liên bang Nga, thẩm quyền tuyên bố phá sản lại thuộc về Toà án trọng tài. Ở Trung Quốc, tính chất vụ kiện phá sản được xác định thuộc phạm vi vụ kiện dân sự nên thuộc thẩm quyền của Toà án thường.

- Quyền của chủ nợ trong việc quản lý và xử lý tài sản phá sản: Trong vụ phá sản, chủ nợ thường là những người có quyền lợi gắn bó chặt chẽ nhất, chính vì vậy, họ có quyền cùng được tham gia vào quá trình quản lý, xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản trên nguyên tắc công khai và công bằng. Có rất nhiều loại chủ nợ: Chủ nợ có bảo đảm; chủ nợ không có bảo đảm; chủ nợ có bảo đảm một phần; chủ nợ là người lao động trong trường hợp doanh nghiệp còn nợ họ tiền công, tiền lương và chủ nợ là Nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp nợ thuế của Nhà nước. Do vậy, pháp luật đã tạo nhiều cơ hội để cho các chủ nợ bảo vệ quyền lợi của mình, đặc biệt là trong việc quản lý và xử lý TSPS.

- Quyền của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản: Mục tiêu quan trọng nhất của LPS là bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cả chủ nợ và con nợ. Vì vậy, doanh nghiệp mắc nợ có vị trí rất quan trọng trong

quá trình giải quyết vụ phá sản doanh nghiệp nói chung và trong quá trình quản lý, xử lý tài sản nói riêng. Điều này có thể nhận thấy qua việc luật đã có hàng loạt quy định những quyền và nghĩa vụ cho doanh nghiệp mắc nợ trong quá trình giải quyết phá sản.

* Xác định các nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp: Xác định các nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp thực chất là xác định tài sản nợ của doanh nghiệp, chính là việc xác định những tài sản thuộc quyền đòi nợ của các chủ nợ trong việc phân chia khối TSPS. Xác định tài sản nợ của doanh nghiệp là một công việc quan trọng khi xác định TSPS. Xác định tài sản nợ của doanh nghiệp một cách chính xác sẽ góp phần quan trọng vào xác định TSPS, hỗ trợ cho việc bảo toàn TSPS, đảm bảo việc xử lý TSPS đáp ứng quyền lợi chính đáng cho các chủ nợ và bản thân doanh nghiệp mắc nợ.

1.3.2.2. Các loại tài sản của doanh nghiệp phá sản: TSPS bao gồm những tài sản có của doanh nghiệp, đó là những tài sản sau:

- Các tài sản của con nợ nằm ở ngoài phạm vi lãnh thổ thuộc khối TSPS;
- Tài sản mà doanh nghiệp có tại thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản như: vật hiện có hoặc được hình thành trong tương lai (nhà xưởng, máy móc, phương tiện vận tải...); tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ); giấy tờ có giá (cổ phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu...), quyền tài sàn (quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đòi nợ, quyền tài sản đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng ...);
- Các khoản lợi nhuận, các tài sản mà doanh nghiệp sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước khi Toà án thụ lý đơn

yêu cầu mở thủ tục phá sản; trong quá trình doanh nghiệp thực hiện thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh; trong giai đoạn thanh lý tài sản;

- Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh lâm vào tình trạng phá sản, Luật cũng quy định tài sản của doanh nghiệp tâm vào tình trạng phá sản còn bao gồm cá tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc tài sản của thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào hoạt động kinh doanh. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh có tài sản thuộc sở hữu chung thì phần tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh đó được chia theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Lưu ý, khi xác định phạm vi TSPS cần phải loại trừ một số tài sản khỏi khối TSPS. Chẳng hạn như: tài sản chủ yếu của cá nhân - là các chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh trong công ty hợp danh (nếu họ không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc không có hành vi gian lận trong quá trình quản lý, điều hành doanh nghiệp) - nhằm bảo vệ các nhu cầu sinh hoạt tối thiểu như: lương thực, thuốc men cần thiết, công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết...

1.3.2.3. Nguyên tắc, thủ tục xử lý tài sản phá sản và thứ tự ưu tiên thanh toán

- Nguyên tắc xử lý tài sản phá sản: Xử lý tài sản phá sản theo LPS ở một số nước trên thế giới như Pháp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc đều quy định thủ tục xử lý TSPS gồm: thủ tục xác định lại giá trị tài sản còn lại, phục hồi hoạt động kinh doanh, phân chia theo thứ tự ưu tiên. Điểm chung của các nước là tuỳ theo tình hình cụ thể của các doanh nghiệp mà áp dụng thủ tục phục hồi (cứu vãn) hay thủ tục xử lý tài sản (phá

sản). Trong quá trình thực hiện không cứng nhắc trong một thủ tục mà có thể chuyển từ thủ tục này sang thủ tục khác một cách linh hoạt.

- Thủ tục xử lý tài sản phá sản: Thủ tục xử lý TSPS của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là xác định tất cả những giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp phá sản nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ. Bên cạnh đó, xử lý TSPS của doanh nghiệp cũng góp phần bảo vệ quyền lợi của con nợ, giúp con nợ sử dụng tài sản của mình một cách hợp lý, hiệu quả hơn và một vai trò quan trọng khác là bảo vệ được quyền lợi của người lao động làm việc tại doang nghiệp bị phá sản đó. Xử lý TSPS là một trong những thủ tục giải quyết phá sản gồm: Xác định giá trị tài sản, phục hồi hoạt động kinh doanh và phân chia tài sản phá sản theo thứ tự ưu tiên. Thủ tục xử lý tài sản được thực hiện sau trước khi và sau khi ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản.

- Việc thanh toán được tiến hành theo một thứ tự ưu tiên, các điều khoản ưu tiên này có xu hướng ưu tiên bảo vệ chủ nợ là người lao động thể hiện ở thứ tự ưu tiên thanh toán như: (i) Các khoản lệ phí, chi phí theo quy định của pháp luật cho việc giải quyết phá sản; (ii) các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; (iii) Các khoản nợ thuế và các khoản nợ cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ; (iv) Các chủ sở hữu doanh nghiệp.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản:

Việc các yếu tố khách quan và chủ quan xung quanh tác động, ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá

sản là điều không thể tránh khỏi, tác giả xin đưa ra một số yếu tố có tác động đến việc thực thi pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản:

- Về yếu tố pháp luật: một số quy định của LPS chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng, mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất với nhau dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, từ đó vận dụng và áp dụng không đúng theo quy định.

- Về yếu tố nhận thức: Nhận thức về pháp luật phá sản của các chủ thể có liên quan đến hoạt động xử lý TSPS của DNPS còn chưa đồng đều; nhiều quy định của LPS năm 2014 phản ánh những tư tưởng mới (khái niệm DN, HTX mất khả năng thanh toán), chế định mới (quản tài viên) chưa được phổ biến rộng rãi dẫn đến các chủ thể có liên quan chưa nhận thức được đầy đủ các nội dung. Vậy nên, việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của PLPS cho các đối tượng làm công tác áp dụng pháp luật như cán bộ các ngành Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án dân sự, Luật sư và đặc biệt là các doanh nghiệp để cho các đối tượng này hiểu đúng, hiểu rõ, hiểu sâu các quy định của pháp luật phá sản là hết sức quan trọng và cần thiết.

Về yếu tối quản lý, xét xử: Việc giải quyết vụ việc phá sản là loại việc khó, được đánh giá là "siêu vụ án" trong khi thực tiễn một số tòa án chưa có nhiều vụ việc phải giải quyết dẫn đến lúng túng, Thẩm phán kiêm nhiệm không phải chuyên trách cũng là một hạn chế trong việc xét xử các vụ việc phá sản.

- Cuối cùng là yếu tố hội nhập cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về xử lý tài sản phá sản của doanh nghiệp phá sản.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Chủ thể tham gia xử lý TSPS:

Về cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu phá sản và xử lý TSPS. Theo thông lệ chung, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tuyên bố phá sản doanh nghiệp là Tòa án. Tuy nhiên, do tổ chức hệ thống tòa án và cơ quan tài phán ở mỗi nước khác nhau nên việc giao cho Tòa án nào giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản không phải lúc nào cũng giống nhau. Ví dụ, ở hầu hết các nước Châu Âu lục địa, thẩm quyền giải quyết phá sản thuộc về Tòa thương mại. Trong khi đó một số nước như Mỹ, Thụy Điển,... lại thành lập tòa phá sản riêng. Có những nước như Cộng Hòa Liên Bang Nga thì việc giải quyết phá sản thuộc chức năng của Tòa án trọng tài. Ngược lại, ở Trung Quốc, Malaysia,... tính chất của một vụ phá sản được pháp luật coi như một vụ kiện dân sự nên thẩm quyền thuộc về Tòa án dân sự. Ở Việt Nam, LPS năm 2014 quy định Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết việc phá sản doanh nghiệp, việc phân định thẩm quyền giải quyết vụ phá sản dựa trên ba nguyên tắc:

+ Theo trụ sở chính;

+ Theo nơi đăng ký kinh doanh;

+ Theo tính chất phức tạp của vụ việc phá sản.

2.1.2. Thủ tục xử lý tài sản phá sản

- LPS năm 2014 quy định thủ tục giải quyết phá sản có 4 bước, bao gồm:

1) Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản;

2) Hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh;

3) Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

4) Thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

- Về thủ tục xử lý tài sản phá sản: Xử lý TSPS theo Luật Phá sản ở một số nước trên thế giới như Pháp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc… đều quy định thủ tục xử lý tài sản phá sản gồm: thủ tục xác định lại giá trị tài sản còn lại, phục hồi hoạt động kinh doanh, phân chia tài sản theo thứ tự ưu tiên. Điểm chung của các nước là tuỳ theo tình hình của các doanh nghiệp mà áp dụng thủ tục phục hồi (cứu vãn) hay thủ tục xử lý tài sản (phá sản). Trong quá trình thực hiện không cứng nhắc trong một thủ tục mà có thể chuyển từ thủ tục này sang thủ tục khác một cách linh hoạt. Theo quy định xử lý tài sản phá sản trong Luật Phá sản Việt Nam 2014 là một trong những thủ tục giải quyết phá sản gồm: Xác định giá trị tài sản, phục hồi hoạt động kinh doanh và phân chia tài sản phá sản theo thứ tự ưu tiên. Thủ tục xử lý tài sản được thực hiện sau khi ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản. Xử lý TSPS được tiến hành theo các bước sau:

1. Kê biên tài sản phá sản bắt đầu xác định giá trị TSPS.

2. Xử lý TSPS là việc xác định giá trị TSPS sau khi hoàn tất việc thu hồi tài sản phá sản.

3. Thanh toán cho các chủ nợ là bước cuối cùng của thủ tục xử lý TSPS.

2.1.3. Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp phá sản

Xác định các nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp thực chất là việc xác định tài sản nợ của doanh nghiệp, xác định những tài sản thuộc quyền đòi nợ của chủ nợ trong việc phân chia khối TSPS. Xác định tài sản nợ của doanh nghiệp là một công việc quan trọng khi xác định TSPS, xác định tài sản nợ một cách chính xác sẽ giúp cho các chủ thể xác định được TSPS, hỗ trợ cho việc bảo toàn TSPS, đảm bảo việc xử lý TSPS giúp cho các chủ nợ và bản thân doanh nghiệp mắc nợ đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tuy nhiên, theo luật phá sản của các nước trên Thế giới thì không phải bất cứ chủ nợ nào với bất kỳ khoản nợ nào cũng có thể được đòi và nhận nợ từ khối TSPS của doanh nghiệp mắc nợ. Sự hạn chế này được đa số các nước trên thế giới ghi nhận trong LPS với góc độ khác nhau như: chủ nợ tự nguyện từ bỏ quyền đòi nợ của mình; chủ nợ bị loại trừ quyền đòi nợ do vi phạm những quy định về tố tụng hoặc không thỏa mãn được những điều kiện khởi kiện; khoản nợ của chủ nợ bị loại trừ khỏi diện phân chia tài sản; khoản nợ của chủ nợ không thực hiện được vì khối TSPS của doanh nghiêp không đủ để thanh toán; con nợ không là đối tượng phá sản theo quy định của pháp luật mỗi nước…

LPS năm 2014 nhìn chung có sự thống nhất về nguyên tắc so với Luật Phá sản của các nước trên thế giới trong việc xác định quyền đòi nợ của các chủ nợ đối với phạm vi tài sản thuộc khối TSPS, luật đã dành riêng Chương IV quy định về nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xác định phạm vi tài sản nợ doanh nghiệp.

2.2. Thực tiễn về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Tình hình chung về thực hiện pháp luật về xử lý tài sản phá sản ở Việt Nam

Theo tổng kết thi hành LPS cho thấy, qua 9 năm thực hiện, với LPS năm 1993, toàn ngành Tòa án chỉ thụ lý 151 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, trong đó chỉ tuyên bố được 46 doanh nghiệp bị phá sản. Tòa án thụ lý tổng số 336 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản, ra quyết định mở thủ tục phá sản 236 trường hợp, và cũng chỉ quyết định tuyên bố phá sản được 83 trường hợp theo LPS năm 2004. Năm 2012, có 69.874 doanh nghiệp đăng ký, trong khi đó có 44.906 doanh nghiệp dừng hoạt động và 9.355 doanh nghiệp giải thể (theo trang thông tin hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp)5. Theo LPS năm 2004, tình hình thụ lý và giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp đã được cải thiện nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Số lượng đơn yêu cầu tòa án tuyên bố phá sản so với số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động là rất thấp; hiệu quả giải quyết việc phá sản ở các cấp Tòa án vẫn chưa hiệu quả giải quyết việc phá sản ở các cấp Tòa án vẫn chưa đạt kết quả như mong muốn. Nguyên nhân có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng trong đó có nguyên nhân quy định pháp luật phá sản chưa phù hợp với tình hình kinh tế và xã hội, không tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức yêu cầu tuyên bố phá sản. Thực tiễn áp dụng LPS năm 2004 còn tồn tại một số vướng mắc; có những quy định của LPS năm 2004 còn mâu thuẫn, chưa tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật khác; có những quy định chưa phù hợp, chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng và còn có những cách hiểu khác nhau nhưng chưa được hướng dẫn kịp thời; có những quy định

chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu mở thủ tục phá sản cũng như doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu tuyên bố phá sản; có những quy định chưa tương thích với pháp luật quốc tế... dẫn đến hiệu quả áp dụng quy định LPS năm 2004 vào thực tiễn áp dụng không cao.

LPS năm 2014 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 19/6/2014 trên cơ sở kế thừa những điểm tích cực, tiến bộ của LPS năm 2004, đồng thời có nhiều sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về phá sản, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước và quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn xử lý TSPS khi áp dụng các quy định LPS năm 2014 cũng cho thấy, một số quy định còn chưa rõ ràng, thiếu cụ thể, chưa bao quát toàn diện những phát sinh trong thực tiễn… cần được hướng dẫn thi hành một cách cụ thể để việc áp dụng pháp luật về phá sản được thống nhất, hiệu quả. Khắc phục các quy định của LPS chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc áp dụng, cũng như các vấn đề mới phát sinh vướng mắc trong quá trình thực tiễn; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của DN, HTX, cá nhân, cơ quan, tổ chức, xử lý TSPS giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản công khai, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng và phù hợp quy định pháp luật.

2.2.2. Khó khăn, vướng mắc phát sinh

Một là, hạn chế bất cập trong thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Cụ thể, theo quy định của Điều 119 LPS năm 2014 thì thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tại Điều 120 LPS năm 2014 lại quy định về thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Việc quy định như vậy dẫn

đến các Chấp hành viên khi được phân công tổ chức thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản lúng túng và gặp khó khăn khi áp dụng các quy định pháp luật thể hiện trên.

Hai là, quy định về thời hạn ra quyết định thi hành án trong LPS năm 2014 chưa thống nhất với Luật Thi hành án dân sự (THADS) năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Khoản 1 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015 quy định việc xây dựng và ban hành VBQPPL phải "bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của VBQPPL trong hệ thống pháp luật".

Ba là, quy định của LPS năm 2014 và Luật THADS năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) về trường hợp định giá lại tài sản cũng chưa thống nhất. Theo LPS năm 2014, định giá lại tài sản chỉ được thực hiện trong một trường hợp duy nhất là "khi có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 122 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản". Trong khi đó, Luật THADS năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định 02 trường hợp có thể định giá lại tài sản kê biên gồm: (i) Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 98 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản; (ii) Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.

Bốn là, hạn chế, bất cập về trình tự thủ tục khi Chấp hành viên thực hiện việc thanh lý tài sản. Tại khoản 4, Điều 121 LPS năm 2014 quy định: Tài sản mà QTV, NQLTLTS không thực hiện được việc thanh lý sau 02 năm kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên theo quy định tại khoản 2 Điều này thì QTV, DNQLTLTS phải chấm dứt việc thanh lý tài sản và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của

doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Năm là, hạn chế, bất cập về chi phí thực hiện phá sản. Tại Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm thù lao Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và chi phí khác.

Sáu là, các quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn và không thống nhất với nhau trong các quy định có liên quan.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN

3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

Thứ nhất, thống nhất chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật phá sản nói chung và những quy định pháp luật về thủ tục thanh lý TSPS nói riêng.

Thứ hai, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về phá sản phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật phá sản của Việt Nam, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của LPS với hệ thống pháp luật, phù hợp với thực tiễn nền kinh tế đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, trong thời gian qua LPS và các văn bản pháp luật khác có liên quan đã được triển khai trên thực tế mang lại những hiệu quả nhất định.

Thứ tư, việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản nói chung và vấn đề thanh lý tài sản nói riêng phải được đúc rút kinh nghiệm từ những vướng mắc, khó khăn phát sinh trên thực tiễn áp dụng, đảm bảo đúng tinh thần và các quy định khác của pháp luật nước ta.

Thứ năm, các quy định phải được cụ thể hoá và không có sự xung đột giữa các quy định của LPS với các quy định của các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thứ sáu, bảo đảm tính khả thi của các quy định của LPS với điều kiện, tình hình kinh tế đất nước trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm trình tự và thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản dân chủ, công khai, nhanh gọn, công bằng, thuận lợi; đề cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.

Thứ bảy, trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, Tòa án tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các bên có thể thoả thuận với nhau về việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo đúng các quy định của pháp luật phá sản hiện hành.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật

- Thứ nhất, cần thiết việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, ngân hàng, QTV, DNQLTLTS trong hoạt động quản lý, thanh lý tài sản.

- Thứ hai, Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành hướng dẫn về việc chỉ định QTV. Hiện nay, theo quy định của LPS, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, thẩm phán có trách nhiệm chỉ định QTV, DNQLTLTS.

- Thứ ba, cần xây dựng văn bản pháp luật chuyên ngành về phá sản tổ chức tín dụng bên cạnh các quy định chung về phá sản doanh nghiệp.

- Thứ tư, xử lý các trường hợp chồng chéo, mâu thuẫn của các quy định pháp luật trong việc xử lý TSPS của doanh nghiệp phá sản. Rà soát các đạo luật có quy định liên quan đến thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản để sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ, thống nhất.

- Thứ năm, thu hồi nợ của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. LPS hiện nay chưa có quy định rõ ràng việc trả nợ cho chủ nợ là các doanh nghiệp mắc nợ, điều này gây nên sự chậm trễ trong việc thu hồi tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán đối với những khoản nợ khó đòi.

- Thứ sáu, quy định về xử lý vi phạm trong tài chính, kế toán. Phải bổ sung những quy định về xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm về tài chính, kế toán doanh nghiệp và bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính định kỳ.

- Thứ bảy, bảo đảm sự thống nhất của các văn bản pháp luật, cần sửa đổi LPS năm 2014 và Luật THADS năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) theo hướng thống nhất về thời hạn ra quyết định thi hành án đối với các quyết định tuyên bố phá sản của doanh nghiệp.

- Thứ tám, Chính phủ cần sớm sửa đổi Nghị định số 22/2015/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định về cách tính tạm ứng chi phí phá sản cũng như thủ tục mở và quản lý tài khoản ngân hàng của Tòa án để thực hiện việc thu, chi khoản tiền tạm ứng chi phí phá sản cho phù hợp với quy định pháp luật về phá sản cũng như tài chính, kế toán.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản

- Một là, ngoài hiểu biết về pháp luật, QTV còn phải thực hiện những công việc yêu cầu trình độ chuyên môn về kế toán, tài chính nhằm để định giá tài sản; quản lý tài sản, tài liệu, sổ kế toán của doanh nghiệp

- Hai là, tập trung bồi dưỡng và nâng cao trình độ của đội ngũ Thẩm phán. Tòa án nhân dân tối cao cần tổ chức thường xuyên các khóa

huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao hiệu quả về việc giải quyết các vụ việc xử lý TSPS.

- Ba là, thành lập tổ chức nghề nghiệp cho các QTV tham gia và hoạt động. Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển ở Việt Nam như hiện nay, QTV là một ngành nghề mới, đầy triển vọng.

- Bốn là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phá sản. Việc các chủ thể có liên quan đến phá sản doanh nghiệp không nhận thức đúng và đầy đủ bản chất của các quy định về pháp luật phá sản là nguyên nhân của việc giảm tính hiệu quả của pháp luật phá sản khi áp dụng trên thực tiễn.

- Năm là, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động của QTV, DNQLTLTS. Tổ chức đào tạo về nghiệp vụ thanh lý tài sản trước khi cấp chứng chỉ hành nghề QTV. Theo quy định tại Điều 12 LPS năm 2014 thì luật sư, kiểm toán viên và người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác từ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo thì được cấp Chứng chỉ hành nghề QTV.

KẾT LUẬN

Với tinh thần tự do kinh doanh mà Luật Doanh nghiệp ghi nhận thì ngày càng có nhiều doanh nghiệp ra đời và với số lượng doanh nghiệp ra đời lớn sẽ có không ít doanh nghiệp phá sản trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường dẫn doanh nghiệp đến phá sản và phá sản là một sự sàng lọc khốc liệt nhưng có vai trò tích cực làm lành mạnh nền kinh tế. LPS được coi là phương tiện giúp các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ rút khỏi thị trường, hạn chế những thiệt hại cho các chủ nợ, người lao động và cho bản thân doanh nghiệp có được những cơ hội mới trong thị trường. Còn xử lý TSPS là một thủ tục thanh toán nợ tập thể, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các chủ thể có liên quan và của cả xã hội, cơ chế quản lý, xử lý TSPS đặt ra những yêu cầu chặt chẽ cả về mặt quy định, thực thi pháp luật, đòi hỏi phải thực hiện tốt công tác xây dựng và áp dụng các quy định pháp luật của vấn đề này.

Luận văn đã đi sâu phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về xử lý TSPS, khái niệm TSPS trên cơ sở phân biệt rõ TSPS của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, phân tích những nét cơ bản xử lý TSPS, xác định giá trị còn lại của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, thanh toán cho các chủ nợ. Mối quan hệ giữa chủ thể giải quyết thủ tục sản phá sản với các chủ thể xử lý TSPS. Làm sáng tỏ những quy định của LPS và pháp luật khác có liên quan đến xử lý tài sản phá sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Luận văn cũng phân tích rõ vai trò, thẩm quyền của các chủ thể tham gia xử lý tài sản phá sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của LPS. Tác giả đã đưa ra một số đề xuất về phương hướng, đưa ra các giải pháp cụ thể để

nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thanh lý TSPS, trong đó có những giải pháp mang tính thời sự như tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ QTV, DNQLTLTS; giải quyết vấn đề vướng mắc trong cơ chế phối hợp liên ngành...

Luận văn cũng chỉ ra được những nguyên tắc và cách thức cơ bản của chủ thể tham gia xử lý TSPS, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, các thiết chế quản lý tài sản, các phương thức xử lý tài sản, các quyền về tài sản, thứ tự ưu tiên phân chia tài sản phá sản…. Vấn đề xử lý các khoản nợ và phân chia tài sản phá sản theo thứ tự ưu tiên của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của pháp luật Việt Nam, được đề cập chi tiết khi áp dụng pháp luật về xử lý tài sản phá sản. Luận văn đã nêu những nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc mà các chủ thể thường gặp khi áp dụng xử lý tài sản theo LPS trong thực tiễn và đưa ra một số đề xuất, giải pháp nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý tài sản phá sản theo LPS, một số giải pháp về tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật về xử lý TSPS nhằm nâng cao hiệu quả khi áp dụng các quy định của pháp luật trên thực tế.